

Biểu số 1:
ĐÁNH GIÁ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH ĐỐI VỚI
CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC UBND TỈNH - NĂM 2023
(Kèm theo công văn số 7172 /STC-VP ngày 17 /11 /2023 của Sở Tài chính)

STT	Tên đơn vị	Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Đánh giá xếp loại (Mức A+, A,B,C)	Ghi chú (đề nghị chuyên quản ghi rõ lý do trừ điểm)
1	Văn phòng UBND tỉnh	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	92	A ⁺	Trừ 3 điểm tiêu chí III.1 và 5 điểm tiêu chí III.2
2	Thanh tra tỉnh	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	90	A ⁺	Trừ 10 điểm ở tiêu chí I.1
3	Sở Nội vụ	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm ở tiêu chí III.2
4	Sở Ngoại vụ	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	90	A ⁺	Trừ 10 điểm ở tiêu chí I.1

STT	Tên đơn vị	Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Đánh giá xếp loại (Mức A⁺, A,B,C)	Ghi chú (đề nghị chuyên quản ghi rõ lý do trừ điểm)
		II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)			
5	Sở Tư pháp	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	100	A ⁺	
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	97	A ⁺	Trừ 3 điểm tiêu chí III.1
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	90	A ⁺	Trừ 10 điểm tại khoản 2 mục II.2

STT	Tên đơn vị	Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Đánh giá xếp loại (Mức A+, A,B,C)	Ghi chú (đề nghị chuyên quản ghi rõ lý do trừ điểm)
8	Sở Xây dựng	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm ở tiêu chí III.2
9	Sở Công thương	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	85	A	Trừ 15 điểm tại mục II.1 và II.2
10	Sở Giao thông Vận tải	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	90	A ⁺	Trừ 10 điểm tại Mục II
11	Sở Thông tin và Truyền thông	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm)	90	A ⁺	Trừ 10 điểm tại mục II.2

STT	Tên đơn vị	Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Đánh giá xếp loại (Mức A⁺, A,B,C)	Ghi chú (đề nghị chuyên quản ghi rõ lý do trừ điểm)
		III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)			
12	Sở Khoa học và Công nghệ	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	87	A	Trừ 5 điểm tại mục I và trừ 8 điểm tại mục III
13	Sở Nông nghiệp và PTNT	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	90	A ⁺	Trừ 10 điểm tại Mục II
14	Sở Văn hóa TT& Du lịch	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm tại Mục III
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế	85	A	Trừ 15 điểm tại Mục III

STT	Tên đơn vị	Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A,B,C)	Ghi chú (đề nghị chuyên quản ghi rõ lý do trừ điểm)
		độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)			
16	Sở Lao động TB và XH	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	100	A ⁺	
17	Sở Tài chính	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm tại Mục III
18	Sở Y tế	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm ở tiêu chí III.2
19	Ban Dân	I. Tình hình lập dự toán, phân	90	A ⁺	Trừ 10 điểm ở

STT	Tên đơn vị	Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Đánh giá xếp loại (Mức A⁺, A,B,C)	Ghi chú (đề nghị chuyên quản ghi rõ lý do trừ điểm)
	tộc	chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)			tiêu chí I.1
20	Ban quản lý các KCN	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm tại Mục III.2
21	Trường Đại học Đồng Nai	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	72	B	Trừ 20 điểm tại Mục II và trừ 8 điểm tại Mục III
22	Trường Cao đẳng Y tế	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ	90	A ⁺	Trừ 10 điểm tại Mục II.1

STT	Tên đơn vị	Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A,B,C)	Ghi chú (đề nghị chuyên quản ghi rõ lý do trừ điểm)
		tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)			
23	Văn phòng HĐND	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	97	A ⁺	Trừ 3 điểm tại Mục III.1
24	Đài Phát thanh Truyền hình	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm tại Mục II.2
25	Khu bảo tồn TN Văn hóa	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm tại Mục II.3
26	Nhà Xuất bản	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3	90	A ⁺	Trừ 10 điểm tại Mục II

STT	Tên đơn vị	Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Đánh giá xếp loại (Mức A+, A,B,C)	Ghi chú (đề nghị chuyên quản ghi rõ lý do trừ điểm)
		chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)			
27	Trường Chính trị	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm tại Mục II
28	Trường Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm tại Mục III
29	Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm tại Mục III
30	Ban Quản lý	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm tại Mục II.2

STT	Tên đơn vị	Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Đánh giá xếp loại (Mức A+, A,B,C)	Ghi chú (đề nghị chuyên quản ghi rõ lý do trừ điểm)
	Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai	(điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)			
31	Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	90	A ⁺	Trừ 10 điểm tại Mục III
32	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm tại Mục III.2
33	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm) II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm) III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)	95	A ⁺	Trừ 5 điểm tại Mục II

STT	Tên đơn vị	Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A,B,C)	Ghi chú (đề nghị chuyên quản ghi rõ lý do trừ điểm)
34	Ban Quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư	<p>I. Tình hình lập dự toán, phân chia dự toán (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)</p> <p>II. Tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán năm (3 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 60 điểm)</p> <p>III. Chế độ báo cáo (2 chỉ tiêu) (điểm tối đa: 20 điểm)</p>	97	A+	Trừ 3 điểm tại Mục III.1